

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2021

- Căn cứ vào giá khảo sát trên thị trường của các đơn vị cung cấp dịch vụ tương
- Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Trung tâm

PHỤ LỤC GIÁ BÁN CƠM VĂN PHÒNG
TẠI TRUNG TÂM PHỤ NỮ VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2021
(Áp dụng từ ngày 09/7/2021 đến khi có giá bán mới thay thế)
Đơn giá dịch vụ đã bao gồm thuế VAT 10%)
(Lưu hành nội bộ)

TT	Tên món ăn	Đơn vị tính	Giá cost (đồng)	Giá bán (đồng)
1	Cơm rang trứng	1 suất	8.907	35.000
2	Cơm trứng đúc thịt	1 suất	32.100	65.000
3	Cơm chiên rau	1 suất	14.424	35.000
4	Cơm thần lợn	1 suất	32.524	65.000
5	Cơm rang thập cẩm	1 suất	28.537	60.000
6	Cơm sườn cốt lết nướng	1 suất	30.230	70.000
7	Cơm gà Trung Hoa	1 suất	26.867	60.000
8	Cơm rang hải sản	1 suất	37.634	75.000
9	Cơm gà nấm	1 suất	27.538	60.000
10	Cơm cá bông lau	1 suất	30.604	60.000
11	Cơm mực sa tế	1 suất	53.061	110.000
12	Cơm sườn xào chua ngọt	1 suất	46.871	90.000
13	Cơm bò tiêu đen	1 suất	44.107	90.000
14	Cơm rang rời vị cary kiểu Thái	1 suất	17.263	40.000
15	Cơm tôm chua ngọt	1 suất	38.786	80.000
16	Cơm bò lúc lắc	1 suất	49.381	95.000
17	Cơm cá quả kho tộ	1 suất	41.164	80.000
18	Cơm xào bò Mỹ bí tết	1 suất	47.662	95.000
19	Cơm trộn vị cay với đùi gà quay	1 suất	30.446	60.000
20	Cơm xào gà áp chảo	1 suất	28.946	60.000
21	Cơm cá sốt cà chua	1 suất	39.177	70.000

TT	Tên món ăn	Đơn vị tính	Giá cost (đồng)	Giá bán (đồng)
22	Cơm rang giòn CWD	1 suất	32.849	65.000
23	Cơm rang giòn Dương Châu	1 suất	36.883	70.000
24	Cơm gà xào hành	1 suất	22.812	50.000
25	Cơm thịt nạc vai nướng muối tiêu	1 suất	35.765	70.000
26	Cơm xào bò Tứ Xuyên	1 suất	48.661	90.000
27	Mỳ rau	1 suất	6.631	20.000
28	Mỳ trứng nước	1 suất	11.732	25.000
29	Mỳ xào rau	1 suất	10.851	25.000
30	Mỳ nước + thịt lợn	1 suất	27.099	50.000
31	Mỳ bò nước	1 suất	37.549	75.000
32	Mỳ bò + trứng nước	1 suất	33.611	65.000
33	Mỳ xào hải sản	1 suất	44.599	90.000
34	Mỳ xào bò	1 suất	45.391	90.000
35	Miến xào mềm Thái Lan	1 suất	42.634	85.000
36	Bánh đa xào ngũ liệu	1 suất	32.329	70.000
37	Mỳ Ý sốt tôm cay	1 suất	41.856	80.000
38	Mỳ Ý với bò bít tết	1 suất	82.293	160.000
39	Bánh mì ốp la	1 suất	9.225	25.000
40	Bánh mì 3 lớp đặc biệt	1 suất	21.023	40.000
41	Bánh mì SW kẹp cá ngừ	1 suất	18.427	35.000
42	Bánh mỳ nhân hành với khoai lang chiên	1 suất	10.741	25.000
43	Mỳ ý chay	1 suất	7.205	25.000
44	Mỳ ý bò băm	1 suất	51.276	100.000
45	Mỳ ý sốt kem nấm	1 suất	23.156	60.000
46	Trứng ốp/luộc	1 suất	2.002	5.000
47	Khoai lang sóc mật	1 suất	19.482	40.000
48	Dưa chuột chẻ	1 suất	11.000	20.000
49	Xúc xích nướng	1 suất	13.200	20.000
50	Đùi gà quay	1 suất	18.240	40.000

Giám đốc

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Tổ Bếp

GIÁM ĐỐC

Dương Thị Ngọc Linh

Mô Đoàn Hilar

Hà Nội, ngày 09 tháng 7 năm 2021

- Căn cứ vào giá khảo sát trên thị trường của các đơn vị cung cấp dịch vụ tương đồng.
- Căn cứ vào tình hình kinh tế trong nước
- Căn cứ vào tình hình thực tế của Trung tâm

PHỤ LỤC GIÁ BÁN ĐỒ ĂN - ĐỒ UỐNG
TẠI TRUNG TÂM PHỤ NỮ VÀ PHÁT TRIỂN
(Áp dụng từ ngày 09 / 7 /2021 đến khi có biểu giá mới thay thế)
Đơn giá dịch vụ đã bao gồm thuế VAT 10%)
(Lưu hành nội bộ)

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
1	2	3	4	5	7
I	Món Súp				
1	Súp bí ngô kem tươi	6 bát/mâm	19.046	100.000	120.000
2	Súp gà nấm hương	6 bát/mâm	20.019	120.000	150.000
3	Súp gà ngô non	6 bát/mâm	15.839	120.000	150.000
4	Súp hải sản đậu phụ	6 bát/mâm	27.004	120.000	150.000
5	Súp gà kem tươi	6 bát/mâm	30.027	120.000	150.000
6	Súp hải sản tuyết nhĩ	6 bát/mâm	27.664	120.000	150.000
7	Súp hải sản với ngô ngọt	6 bát/mâm	24.089	120.000	150.000
8	Súp ngô non thả cua	6 bát/mâm	24.144	120.000	150.000
9	Súp rau thập cẩm	6 bát/mâm	26.286	120.000	150.000
10	Súp lươn ngũ vị	6 bát/mâm	35.859	130.000	160.000
11	Súp tôm cua	6 bát/mâm	26.674	130.000	160.000
12	Súp tôm nấm tươi	6 bát/mâm	30.181	130.000	160.000
13	Súp An Đông	6 bát/mâm	49.068	130.000	160.000
14	Súp cua măng tây tươi	6 bát/mâm	33.931	130.000	160.000
15	Súp thịt hầm	6 bát/mâm	39.162	120.000	150.000
16	Súp cá tầm	6 bát/mâm	48.907	130.000	160.000
17	Súp tôm chua cay kiểu Thái	6 bát/mâm	81.884	150.000	180.000
II	Món Gỏi - Phở cuốn				
1	Gỏi cuốn tôm thịt (6 cái/mâm)	6 cái/đĩa	46.345	120.000	150.000
2	Gỏi cuốn tôm thịt (12 cái/mâm)	12 cái/đĩa	91.174	220.000	250.000
3	Gỏi gà xé phay	6 suất/đĩa	30.915	100.000	120.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
4	Gỏi hải sản Thái Lan	6 suất/đĩa	63.663	150.000	180.000
5	Gỏi miến tôm thịt kiểu Thái	6 suất/đĩa	57.085	150.000	180.000
6	Gỏi cuốn thịt bò rau mầm (12 cái/ mâm)	12 cái/đĩa	59.169	150.000	180.000
7	Gỏi cuốn thịt bò rau mầm (6 cái/mâm)	6 cái/đĩa	31.382	120.000	150.000
8	Phở cuốn (6 cái/mâm)	6 cái/đĩa	30.949	120.000	150.000
9	Phở cuốn(12 cái/ mâm)	12 cái/đĩa	40.118	150.000	180.000
10	Gỏi bưởi tôm thịt	6 suất/đĩa	67.249	150.000	180.000
11	Gỏi bê củ sen	6 suất/đĩa	82.905	180.000	220.000
12	Gỏi cuốn rau mầm tôm chua	12 cái/đĩa	65.603	150.000	180.000
13	Gỏi bò Thái Lan	6 suất/đĩa	87.478	180.000	220.000
III	Món Nộm				
1	Nộm hoa chuối	6 suất/đĩa	22.663	100.000	150.000
2	Nộm su hào carot	6 suất/đĩa	19.464	100.000	150.000
3	Nộm Bạch Tuyết	6 suất/đĩa	26.131	100.000	150.000
4	Nộm bắp cải gà xé	6 suất/đĩa	26.120	120.000	150.000
5	Nộm cần ruốc	6 suất/đĩa	27.352	120.000	150.000
6	Nộm đu đủ bò khô	6 suất/đĩa	26.813	120.000	150.000
7	Nộm ngó sen gà	6 suất/đĩa	27.835	120.000	150.000
8	Nộm ngó sen tai lợn	6 suất/đĩa	35.987	120.000	150.000
9	Nộm ngó sen thịt	6 suất/đĩa	30.487	120.000	150.000
10	Nộm su hào bò khô	6 suất/đĩa	26.813	120.000	150.000
12	Nộm thập cẩm	6 suất/đĩa	35.052	120.000	150.000
13	Nộm xoài xanh tôm khô	6 suất/đĩa	31.686	120.000	150.000
14	Nộm gà hoa chuối	6 suất/đĩa	32.280	120.000	150.000
15	Nộm xoài Thái	6 suất/đĩa	33.666	120.000	150.000
16	Nộm rau tiền vua với tai lợn	6 suất/đĩa	43.412	120.000	150.000
17	Nộm hoa chuối giò lụa	6 suất/đĩa	46.392	120.000	150.000
18	Nộm bắp bò	6 suất/đĩa	46.778	150.000	180.000
19	Bò bóp thấu	6 suất/đĩa	73.527	190.000	230.000
IV	Món Salad				
1	Salad cà chua dưa chuột	6 suất/đĩa	18.167	80.000	120.000
2	Salad củ đậu	6 suất/đĩa	10.749	80.000	120.000
3	Salad rau thập cẩm trộn với sốt mayone	6 suất/đĩa	22.064	80.000	120.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
4	Salad rau trộn với dầu dấm	6 suất/đĩa	21.743	80.000	120.000
5	Salad hoa quả với sốt cocktail	6 suất/đĩa	40.462	120.000	150.000
6	Salat khoai tây với thịt xông khói	6 suất/đĩa	32.606	120.000	150.000
7	Salat Nga	6 suất/đĩa	37.322	120.000	150.000
8	Salat rau mầm	6 suất/đĩa	37.572	120.000	150.000
V	Món Chim- Gà -Thỏ - Vịt				
1	Chim câu hầm hạt sen	6 suất/đĩa	129.670	350.000	400.000
2	Chim câu quay mật ong	6 suất/đĩa	129.670	350.000	400.000
3	Đùi gà sốt nấm	6 suất/đĩa	47.143	150.000	
4	Cánh gà rán/ nướng	01 cái	12.191	25.000	
5	Gà áp chảo dội sốt cay	6 suất/đĩa	100.467	300.000	
6	Gà áp chảo hương chanh	6 suất/đĩa	98.845	300.000	
7	Gà rang gừng	6 suất/đĩa	97.099	250.000	
8	Gà rang muối	6 suất/đĩa	100.722	250.000	
9	Gà hấp lá chanh	6 suất/đĩa	155.418	350.000	450.000
10	Gà hấp tiêu trắng	6 suất/đĩa	156.012	370.000	450.000
11	Gà quay sốt nấm	6 suất/đĩa	131.455	350.000	450.000
12	Gà quay mật ong	6 suất/đĩa	158.982	370.000	450.000
13	Gà quay ăn kèm bánh bao	6 suất/đĩa	166.351	400.000	500.000
14	Gà đinh hương móc mật	6 suất/đĩa	134.517	350.000	450.000
15	Gà rút xương hấp nấm rau xanh	6 suất/đĩa	132.282	350.000	450.000
16	Gà quay mật ong + Xôi hoàng phở	6 suất/đĩa	198.384	450.000	550.000
17	Gà om kiểu Ý	6 suất/đĩa	208.095	450.000	500.000
18	Lẩu gà - Nồi nhỏ	nồi nhỏ	220.553	550.000	600.000
19	Lẩu gà - Nồi lớn	nồi/mâm 6	366.264	650.000	700.000
20	Lẩu bắp bò sườn sụn	nồi/mâm 6	393.195	600.000	750.000
21	Lẩu riêu cua bắp bò	nồi/mâm 6	403.370	650.000	800.000
22	Lẩu cua	nồi/mâm 6	265.320	450.000	700.000
23	Lẩu hải sản	nồi/mâm 6	524.975	800.000	900.000
24	Vịt nướng muối tiêu	6 suất/đĩa	116.179	250.000	350.000
25	Vịt quay Bắc Kinh	6 suất/đĩa	113.671	250.000	350.000
26	Vịt đinh hương móc mật	6 suất/đĩa	122.769	270.000	350.000
27	Vịt om chao	nồi/mâm 6	160.617	280.000	350.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
28	Vịt om sấu	nồi/mâm 6	163.534	300.000	350.000
VI	Món Thịt lợn				
1	Chả cuốn lá lốt	12 cái/ đĩa	38.916	120.000	
2	Thịt xiên nướng	6 suất/đĩa	43.357	150.000	
3	Thịt lợn xào dưa thơm	6 suất/đĩa	39.294	140.000	
4	Thịt lợn xào mướp đắng	6 suất/đĩa	38.215	140.000	
5	Chân giò hun khói	6 suất/đĩa	47.300	140.000	
6	Thịt chung mấm tép	6 suất/đĩa	50.911	150.000	
7	Thịt kho củ cải	6 suất/đĩa	49.153	150.000	
8	Thịt kho dừa	6 suất/đĩa	64.311	160.000	
9	Thịt kho tàu	6 suất/đĩa	79.161	180.000	
10	Thịt kho trứng	6 suất/đĩa	67.129	160.000	
11	Thăn lợn chiên vùng	6 suất/đĩa	55.171	160.000	
12	Thịt ba chỉ rang cháy cạnh	6 suất/đĩa	83.974	180.000	
13	Thăn lợn rim tiêu	6 suất/đĩa	51.447	150.000	
14	Thăn lợn xào nấm sò	6 suất/đĩa	62.710	160.000	
15	Thăn lợn sốt chua ngọt	6 suất/đĩa	58.819	150.000	
16	Thịt ba chỉ quế luộc chấm mấm tép	6 suất/đĩa	87.175	180.000	
17	Thịt chân giò luộc - dưa muối	6 suất/đĩa	85.800	180.000	
18	Thăn lợn xào nấm đùi gà	6 suất/đĩa	69.238	170.000	
19	Thịt lợn quay	6 suất/đĩa	108.766	250.000	
20	Thăn lợn chiên kiểu Nhật	6 suất/đĩa	78.138	200.000	
21	Sườn rang muối	6 suất/đĩa	109.077	250.000	
22	Sườn xào chua ngọt	6 suất/đĩa	106.590	250.000	
23	Chân giò chiên giòn + dưa chuột trộn cay	6 suất/đĩa	184.084	420.000	460.000
24	Chân giò hầm Bát Bảo	6 suất/đĩa	200.970	460.000	550.000
25	Chân giò hầm nấm (kiểu á)	6 suất/đĩa	182.254	450.000	550.000
26	Chân giò hầm nấm kem tươi (kiểu âu)	6 suất/đĩa	181.167	450.000	550.000
27	Chân giò hầm sốt trắng	6 suất/đĩa	189.157	450.000	550.000
VII	Món Tôm - Tu hài				
1	Tôm nõn xào thập cẩm	6 suất/đĩa	39.905	120.000	
2	Tôm chiên dừa Hồng Kông (6 con/ đĩa)	6 con/đĩa	139.299	300.000	350.000
3	Tôm sú chiên trứng muối (6 con /đĩa)	6 con/đĩa	130.792	300.000	350.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
4	Tôm sú hấp bia (6 con /đĩa)	6 con/đĩa	130.656	300.000	350.000
5	Tôm chiên McCormick (12 con /đĩa)	12 con/đĩa	153.622	450.000	500.000
6	Tôm chiên Hoàng Bào (12 con/ đĩa)	12 con/đĩa	155.071	450.000	500.000
7	Tôm chiên mật mè (12 con / đĩa)	12 con/đĩa	150.953	450.000	500.000
8	Tôm sốt mù tạt CWD - tôm 27	12 con/đĩa	154.987	450.000	500.000
9	Tôm sú chiên 2 sốt (12 con /đĩa)	12 con/đĩa	151.460	450.000	500.000
10	Tôm sú chiên bơ (12 con/ đĩa)	12 con/đĩa	150.657	450.000	500.000
11	Tôm sú chiên muối ớt (12 con /đĩa)	12 con/đĩa	158.101	450.000	500.000
12	Tôm sú chiên trứng muối (12 con/ đĩa)	12 con/đĩa	152.059	450.000	500.000
13	Tôm sú chiên xù (12 con /đĩa)	12 con/đĩa	157.172	450.000	500.000
14	Tôm sú hấp bia(12 con/đĩa)	12 con/đĩa	152.164	450.000	500.000
15	Tôm sú nướng (12 con /đĩa)	12 con/đĩa	150.048	450.000	500.000
16	Tôm sú sốt cốt dừa (12 con/ đĩa)	12 con/đĩa	149.747	450.000	500.000
17	Tôm hầm dưa (12 con/ đĩa)	12 con/đĩa	164.047	500.000	500.000
18	Tôm chiên hạnh nhân(12 con/ đĩa)	12con/đĩa	181.720	500.000	550.000
19	Tôm chiên khoai môn (12 con / đĩa)	12 con/đĩa	174.792	500.000	500.000
VIII	Món Mực				
1	Mực xào cần tỏi	6 suất/đĩa	79.840	250.000	
2	Mực xào dưa thom	6 suất/đĩa	79.576	250.000	
3	Mực xào ớt xanh	6 suất/đĩa	72.575	300.000	
4	Mực chiên bơ	6 suất/đĩa	119.827	350.000	400.000
5	Mực nướng sa tế	6 suất/đĩa	153.139	350.000	450.000
IX	Món Cá -Ếch - Lươn - Trạch				
1	Cá bông lau kho tộ	6 suất/đĩa	56.100	150.000	
2	Cá quả kho tộ	6 suất/đĩa	82.500	200.000	
3	Cá quả file xào rau cần	6 suất/đĩa	50.755	160.000	
4	Chả cá	6 suất/đĩa	62.943	150.000	
5	Cá điêu hồng file chiên McCormick-(6m)	6 miếng/Đĩa	52.398	150.000	
6	Cá điêu hồng file chiên giòn -(6m)	6 miếng/Đĩa	51.641	150.000	
7	Cá điêu hồng file chiên xù -(6m)	6 miếng/Đĩa	54.505	150.000	
8	Cá quả file chiên vừng -(6m)	6 miếng/đĩa	57.684	180.000	
9	Cá quả file chiên xù -(6m)	6 miếng/đĩa	60.555	180.000	
10	Cá quả file chiên McCormick-(6m)	6 miếng/đĩa	59.911	180.000	

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
11	Cá trắm sốt cà chua	6 suất/đĩa	78.235	200.000	
12	Cá điêu hồng file chiên cốm-(12m)	12miếng/đĩa	78.798	250.000	350.000
13	Cá điêu hồng file chiên giòn-(12m)	12miếng/đĩa	78.041	250.000	350.000
14	Cá điêu hồng file chiên xù -(12m)	12miếng/đĩa	80.905	250.000	350.000
15	Cá quả file chiên vùng -(12m)	12 miếng/đĩa	87.263	270.000	280.000
16	Cá quả file chiên xù -(12m)	12 miếng/đĩa	89.705	270.000	280.000
17	Cá quả file chiên cốm-(12m)	12 miếng/đĩa	90.161	270.000	280.000
18	Cá quả file chiên giòn	12 miếng/đĩa	84.426	270.000	280.000
19	Cá quả file sốt chua ngọt	6 suất/đĩa	91.347	270.000	280.000
20	Cá thu sốt cà chua	6 suất/đĩa	127.735	270.000	300.000
21	Cá chép nguyên con om dưa + bún	1 con/đĩa	126.767	300.000	350.000
22	Cá chép sốt hoa quả	1 con/đĩa	114.152	300.000	350.000
23	Cá điêu hồng nguyên con chiên cốm	1 con/đĩa	116.721	300.000	350.000
24	Cá điêu hồng nguyên con chiên giòn	1 con/đĩa	115.881	300.000	350.000
25	Cá điêu hồng nguyên con chiên xù	1 con/đĩa	118.844	300.000	350.000
26	Cá quả nguyên con nướng + bánh đa nem + bún	1 con/đĩa	149.395	400.000	450.000
27	Cá quả nguyên con sốt chua cay	1 con/đĩa	138.277	400.000	450.000
28	Cá quả nguyên con sốt chua ngọt	1 con/đĩa	140.394	400.000	450.000
29	Cá quả nguyên con sốt ngũ liểu	1 con/đĩa	139.827	400.000	450.000
30	Cá quả nguyên con bỏ lò	1 con/đĩa	137.006	400.000	450.000
31	Cá quả nguyên con chiên cốm	1 con/đĩa	129.732	350.000	450.000
32	Cá quả nguyên con chiên giòn	1 con/đĩa	128.079	350.000	450.000
33	Cá quả nguyên con chiên hoa cúc	1 con/đĩa	131.146	350.000	450.000
34	Cá điêu hồng nguyên con sốt chua ngọt	1 con/đĩa	108.923	300.000	420.000
35	Cá điêu hồng nguyên con sốt hoa quả	1 con/đĩa	128.351	350.000	420.000
36	Cá điêu hồng nguyên con sốt nấm	1 con/đĩa	120.242	350.000	420.000
37	Cá quả nguyên con hấp bầu	1 con/đĩa	165.872	400.000	450.000
38	Cá điêu hồng nguyên con hấp vằn xương + Bún	1 con/đĩa	138.613	350.000	450.000
39	Cá điêu hồng nguyên con hấp xì dầu + bún	1 con/đĩa	126.618	350.000	400.000
40	Cá điêu hồng nguyên con hấp nấm +bún	1 con/đĩa	144.218	350.000	400.000
41	Cá điêu hồng nguyên con hấp bầu + bún	1 con/đĩa	160.592	400.000	400.000
42	Cá hồi sốt hạt Capper	6 suất/đĩa	249.382	600.000	700.000
43	Cá tầm hầm hạnh nhân chiên	6 suất/đĩa	189.773	500.000	600.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
44	Cá tầm file om Kim Châu (Theo mùa)	6 suất/đĩa	193.173	500.000	600.000
45	Cá tầm nướng muối ớt	6 suất/đĩa	168.329	500.000	600.000
46	Cá tầm nướng với sốt me	6 suất/đĩa	170.083	500.000	600.000
47	Cá tầm hấp tam cấp	6 suất/đĩa	212.976	600.000	600.000
48	Cá tầm rang muối ớt	6 suất/đĩa	179.883	600.000	600.000
49	Cá tầm hấp văn xương	6 suất/đĩa	176.453	600.000	600.000
50	Cá lăng nướng	6 suất/đĩa	109.856	300.000	400.000
51	Cá chình nướng giấy bạc	1 con/đĩa	182.405	500.000	600.000
52	Lươn cuộn thịt rán	6 suất/đĩa	136.019	350.000	420.000
53	Lươn om hoa chuối	nồi/mâm6	176.920	450.000	550.000
54	Phi lê cá basa chiên sốt hành thì là	6 suất/đĩa	59.671	150.000	
X	Món Bò				
1	Bò xào cần tỏi tây	6 suất/đĩa	55.992	200.000	
2	Bò xào dưa chua	6 suất/đĩa	59.294	200.000	
3	Bò xào dưa thơm	6 suất/đĩa	61.371	200.000	
4	Bò xào ớt xanh	6 suất/đĩa	59.237	200.000	
5	Bò xào lơ xanh vị tiêu	6 suất/đĩa	64.212	200.000	
6	Bắp bò muối IK - dưa chuột trộn cay	6 suất/đĩa	68.261	200.000	
7	Bê xào xả ớt	6 suất/đĩa	66.850	200.000	
8	Bò chiên kiểu Thái	6 suất/đĩa	90.048	250.000	300.000
9	Bò lúc lắc đậm khoai	6 suất/đĩa	97.916	300.000	350.000
10	Bò lúc lắc đậm phòng tôm	6 suất/đĩa	98.246	300.000	350.000
11	Bò sốt tiêu đen	6 suất/đĩa	90.806	300.000	350.000
12	Bê tái chanh	6 suất/đĩa	93.883	280.000	350.000
13	Bò cuộn nấm kim châm	6 suất/đĩa	104.600	280.000	350.000
14	Bò hầm bí đỏ + bánh bao	6 suất/đĩa	93.898	280.000	350.000
15	Bò sốt tiêu đen + bánh bao	6 suất/đĩa	100.233	350.000	350.000
16	Bò xào nấm tươi	6 suất/đĩa	98.097	280.000	350.000
17	Bò Mỹ sốt Bate	6 suất/đĩa	99.193	280.000	350.000
18	Bò Mỹ sốt Bate + bánh bao	6 suất/đĩa	94.527	280.000	350.000
19	Bò Mỹ sốt rượu vang đỏ	6 suất/đĩa	93.042	280.000	350.000
20	Bò Mỹ sốt tiêu đen	6 suất/đĩa	90.333	280.000	350.000
21	Bò Mỹ sốt tiêu đen+ bánh bao	6 suất/đĩa	99.496	280.000	350.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
22	Bê nướng lá chuối	6 suất/đĩa	98.679	300.000	350.000
23	Bò nướng xả ớt	6 suất/đĩa	134.229	400.000	450.000
24	Bò bắp luộc chấm tương gừng	6 suất/đĩa	145.448	400.000	450.000
25	Bò kho kiểu Sài Gòn	6 suất/đĩa	101.577	300.000	450.000
26	Bò Mỹ nướng muối tiêu	6 suất/đĩa	103.929	300.000	450.000
XI	Món phụ				
1	Dưa muối	6 suất/đĩa	12.375	30.000	
2	Đậu Nhật hấp xì dầu	6 suất/đĩa	17.832	60.000	
3	Đậu Nhật sốt tứ xuyên	6 suất/đĩa	31.475	80.000	
4	Đậu phụ chiên trứng muối	6 suất/đĩa	21.012	80.000	
5	Đậu phụ chiên xù	6 suất/đĩa	17.045	80.000	
6	Đậu phụ hấp xì dầu	6 suất/đĩa	21.372	80.000	
7	Đậu phụ lướt ván	6 suất/đĩa	19.063	80.000	
8	Đậu phụ Nhật chiên xù	6 suất/đĩa	20.345	80.000	
9	Đậu phụ sốt cà chua	6 suất/đĩa	28.368	80.000	
10	Đậu phụ tẩm hành	6 suất/đĩa	20.833	80.000	
11	Khoai tây chiên bơ	6 suất/đĩa	10.308	50.000	100.000
12	Nem chay Việt Nam	12 Cái/đĩa	16.234	50.000	
13	Ngô hạt chiên bơ	6 suất/đĩa	20.565	60.000	
14	Bí ngô kẹp thịt chiên giòn	12miếng/đĩa	27.035	100.000	
15	Đậu phụ nhồi thịt sốt cà chua	6 suất/đĩa	50.368	150.000	
16	Khoai môn lệ phổ	6 suất/đĩa	39.455	150.000	
17	Nem cuốn CWD	6 Cái/đĩa	42.226	90.000	150.000
18	Nem Hải sản (12 cái/đĩa)	12 Cái/đĩa	45.878	150.000	200.000
19	Nem truyền thống	12 Cái/đĩa	44.571	150.000	200.000
20	Trứng đúc thịt	6 suất/đĩa	27.953	80.000	
21	Trứng tráng hành	6 suất/đĩa	12.355	50.000	
XIII	Món Rau				
1	Cà pháo	6 suất/đĩa	6.600	20.000	
2	Bắp cải luộc chấm mắm gừng	6 suất/đĩa	10.544	80.000	
3	Bí xanh luộc chấm muối vừng	6 suất/đĩa	14.394	80.000	
4	Cải chíp chần nấm	6 suất/đĩa	12.007	80.000	100.000
5	Cải chíp xào tỏi	6 suất/đĩa	13.563	80.000	100.000

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
6	Cải xanh hấp gừng	6 suất/đĩa	14.328	80.000	100.000
7	Rau muống luộc + nước canh chua	6 suất/đĩa	18.366	80.000	
8	Rau lang xào tỏi	6 suất/đĩa	15.839	80.000	100.000
9	Cải chíp xào nấm	6 suất/đĩa	15.268	80.000	100.000
10	Cải ngồng xào tỏi	6 suất/đĩa	16.258	80.000	100.000
11	Cải ngọt xào nấm	6 suất/đĩa	16.038	80.000	100.000
12	Cải ngọt xào tỏi	6 suất/đĩa	13.013	80.000	100.000
13	Cải thảo xào tỏi	6 suất/đĩa	15.708	80.000	100.000
14	Cải xanh xào nấm	6 suất/đĩa	18.568	80.000	100.000
15	Cải xoong xào tỏi	6 suất/đĩa	12.539	80.000	100.000
16	Củ, quả luộc chấm muối vùng - mùa đông	6 suất/đĩa	16.671	80.000	100.000
17	Củ, quả luộc chấm muối vùng -mùa hè	6 suất/đĩa	17.199	80.000	100.000
18	Đậu cove xào	6 suất/đĩa	8.316	80.000	
19	Ngồng cải luộc chấm xì dầu trứng	6 suất/đĩa	17.050	80.000	120.000
20	Rau bí xào tỏi	6 suất/đĩa	19.833	80.000	
21	Rau muống xào tỏi + nước rau - sấu/ chanh	6 suất/đĩa	21.760	80.000	
22	Rau xào thập cẩm	6 suất/đĩa	19.261	80.000	
23	Su su, cà rốt luộc chấm muối vùng	6 suất/đĩa	13.459	80.000	
24	Ngọn su su luộc	6 suất/đĩa	32.214	100.000	120.000
25	Cải bó xôi xào nấm	6 suất/đĩa	18.661	80.000	100.000
26	Cải chíp xào song nấm	6 suất/đĩa	19.437	80.000	100.000
27	Cải làn xào tỏi	6 suất/đĩa	19.008	80.000	100.000
28	Cải ngọt xào song nấm	6 suất/đĩa	19.173	80.000	100.000
29	Cải xanh xào song nấm	6 suất/đĩa	20.812	80.000	100.000
30	Cần ta xào tỏi	6 suất/đĩa	16.943	80.000	100.000
31	Củ dền luộc chấm muối vùng	6 suất/đĩa	15.258	80.000	100.000
32	Ngọn su su xào tỏi	6 suất/đĩa	38.819	80.000	100.000
33	Mướp đắng ruốc	6 suất/đĩa	38.489	120.000	150.000
34	Hoa lơ xào tỏi	6 suất/đĩa	28.468	80.000	100.000
35	Rau xào tứ bảo	6 suất/đĩa	34.160	80.000	100.000
36	Rau chiên Tempura	6 suất/đĩa	20.252	80.000	100.000
37	Mầm đá luộc chấm muối vùng	6 suất/đĩa	56.320	150.000	180.000
38	Hoa lơ xào thịt bò	6 suất/đĩa	66.583	180.000	

STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
39	Rau cần xào bò	6 suất/đĩa	56.685	180.000	
40	Hoa thiên lý xào bò	6 suất/đĩa	83.599	200.000	
XIV	Món Canh				
1	Canh rau Thập cẩm - 2 bát	2bát/mâm6	24.513	100.000	
2	Canh bí xanh tôm nõn - 2 bát	2bát/mâm6	16.484	80.000	
3	Canh cải xanh thịt - 2 bát	2bát/mâm6	25.195	80.000	
4	Canh cải xanh cá rô - 2 bát	2bát/mâm6	26.295	80.000	
5	Canh bí xanh thịt - 2 bát	2bát/mâm6	24.404	80.000	
6	Canh rau ngót thịt băm-2 bát	2bát/mâm6	32.984	100.000	
7	Canh cua mỏng toi + cà pháo	2bát/mâm6	34.037	100.000	
8	Canh cua riêu - bún(2 bát)	2bát/mâm6	29.891	80.000	
9	Canh bí xanh giò sống - 2 bát	2bát/mâm6	42.884	120.000	
10	Canh bò thuần hành răm	1bát/mâm6	44.344	150.000	
11	Canh bóng thập cẩm	1bát/ mâm6	34.562	120.000	150.000
12	Canh mọc hạt sen	1bát/mâm6	37.601	150.000	180.000
13	Canh mọc đậu phụ nấu chua	1bát/mâm6	31.711	80.000	100.000
14	Canh thịt nấu chua - 2 bát	2bát/mâm6	48.638	100.000	120.000
15	Canh ngao mỏng toi + cà pháo(2 bát)	2bát/mâm6	31.700	120.000	150.000
16	Canh củ quả thả sườn	1bát/ mâm6	54.761	120.000	150.000
17	Canh măng chân giò	1bát/mâm6	38.030	120.000	150.000
18	Canh măng ngan	1bát/mâm6	42.184	120.000	150.000
19	Canh măng tươi thả sườn	1bát/mâm6	40.428	120.000	150.000
20	Canh bí nấu sườn - 2 bát	2bát/mâm6	47.057	120.000	150.000
21	Canh gân bò nấu dưa chua	1bát/mâm6	66.717	150.000	180.000
22	Canh ngao chua - 2 bát	1bát/mâm6	46.767	120.000	150.000
23	Canh rau ngót giò sống - 2 bát	2bát/mâm6	52.784	120.000	150.000
24	Canh mọc nấm tươi	1bát/mâm6	50.721	120.000	150.000
25	Canh nấm bóng thả	1bát/mâm6	34.205	100.000	120.000
26	Canh nấm tươi	1bát/mâm6	56.735	120.000	150.000
27	Canh cá quả file nấu chua - 2 bát	2bát/mâm6	68.480	180.000	220.000
28	Canh cua khoai sọ + cà pháo(2 bát)	2bát/mâm6	42.596	150.000	180.000
29	Canh Ốc chuối đậu	1bát/mâm6	81.067	180.000	220.000
30	Canh hải sản kiểu Thái	1bát/mâm6	98.223	200.000	250.000

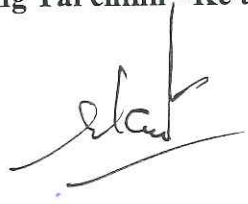
STT	Tên món ăn	ĐVT	Giá Cost	Giá bán hội nghị	Giá bán tiệc cưới
31	Canh cá tầm nấu chua (đầu, đuôi cá ăn cùng cá tầm nướng)	1bát/mâm7	25.716	80.000	150.000
32	Ốc chuối đậu + bún (ăn nóng trên bếp cồn)	nồi/ mâm6	157.972	400.000	450.000
XV	Món Bánh trung - Cơm - Mỳ -Xôi				
1	Cháo thịt băm	1 bát	6.548	15.000	
2	Cháo ngao	1 bát	3.186	10.000	
3	Mỳ tôm (bán thêm ăn lẩu)	1 Gói	3.025	10.000	
4	Mỳ chữ (bán thêm ăn lẩu 0,3kg/mâm)	0.5kg/Đĩa	23.100	35.000	
5	Cơm tám	6 suất/đĩa	22.165	50.000	50.000
6	Xôi Hoàng Phố Ruốc	6 suất/đĩa			
7	Xôi vò hạt sen	6 suất/đĩa			
8	Xôi cốm sen dừa	6 suất/đĩa			
9	Xôi gấc Hoa Cau	6 suất/đĩa			
10	Bánh chưng	1 cái/đĩa	55.000	100.000	120.000
XVI	Hoa quả				
1	Chuối tiêu hồng	6 suất/đĩa	13.200	80.000	100.000
2	Dứa thơm	6 suất/đĩa	15.400	80.000	100.000
3	Ổi lê	6 suất/đĩa	9.000	80.000	80.000
4	Dưa hấu	6 suất/đĩa	15.400	80.000	100.000
5	Quýt Sài Gòn	6 suất/đĩa	36.667	120.000	150.000
6	Xoài cát chu	6 suất/đĩa	24.750	120.000	150.000
7	Thanh long	6 suất/đĩa	30.800	100.000	120.000
8	Dưa vò vàng ruột trắng	6 suất/đĩa	26.950	120.000	150.000
9	Bưởi năm roi	1 đĩa	44.000	120.000	150.000
10	Bưởi hồng da xanh	1 đĩa	79.200	150.000	160.000

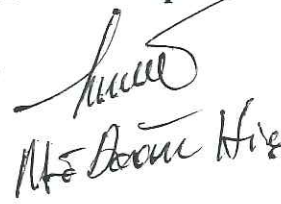
Giám đốc

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Tổ Bếp





BIỂU GIÁ BÁN ĐỒ UỐNG
TẠI TRUNG TÂM PHỤ NỮ VÀ PHÁT TRIỂN
(Áp dụng từ ngày / /2021 đến khi có biểu giá mới thay thế)
Đã bao gồm VAT

TT	Tên món	ĐVT	Giá cost (đồng)	Giá bán (đồng)
1	Cà phê đen	Cốc	5.000	30.000
2	Cà phê sữa	Cốc	6.000	35.000
3	Lipton cwd	Cốc	10.000	40.000
4	Nước bưởi ép	Cốc	21.000	65.000
5	Nước cam	Cốc	17.000	50.000
6	Nước cà rốt	Cốc	8.000	30.000
7	Nước chanh tươi	Cốc	7.000	30.000
8	Nước chanh leo	Cốc	6.000	30.000
9	Nước dừa	Cốc	12.000	40.000
10	Nước dừa hấu	Cốc	11.000	30.000
11	Nước Ôi	Cốc	10.000	30.000
12	Sinh tố bơ	Cốc	21.000	50.000
13	Sinh tố chanh leo	Cốc	8.000	40.000
14	Sinh tố chanh tuyết bạc hà	Cốc	9.000	40.000
15	Sinh tố chuối	Cốc	3.000	30.000
16	Sinh tố dừa	Cốc	14.000	50.000
17	Sinh tố dừa hấu	Cốc	13.000	40.000
18	Sinh tố HN hoàng hôn	Cốc	17.000	50.000
19	Sinh tố Nhiệt đới	Cốc	11.500	50.000
20	Sinh tố Thu HN	Cốc	12.500	50.000
21	Sinh tố xoài	Cốc	13.500	50.000
22	Sinh tố xoài mật ong	Cốc	13.500	55.000
23	Sữa chua vinamilk	Hộp	5.030	15.000
24	Sữa chua đánh đá	Cốc	7.500	25.000
25	Sữa chua đánh đá cà phê	Cốc	8.000	30.000
26	Sữa tươi	Cốc	9.000	30.000
27	Sữa tươi cà phê	Cốc	11.000	35.000
28	Trà lipton	Cốc	1.500	25.000

TT	Tên món	ĐVT	Giá cost (đồng)	Giá bán (đồng)
29	Trà lipton sữa	Cốc	3.000	30.000
30	Trà mạn	Cốc	1.700	5.000
31	Trà mạn	Ấm	17.000	35.000
32	Cocktail Pinacolada	Cốc	11.200	30.000
33	Nước cam nguyên chất	Cốc	28.000	70.000
B	Đồ uống đóng chai và phí mang rượu			
1	Bia chai Hà nội 450ml	Chai	8.500	20.000
2	Bia lon Hà nội	Lon	10.000	20.000
3	Bia chai Sài gòn	Chai	11.100	25.000
	Bia chai Trúc Bạch	chai		25.000
4	Bia lon Sài gòn	Lon	12.500	25.000
5	Bia chai Heineken	Chai	14.600	30.000
6	Bia lon Heineken	Lon	16.700	30.000
7	Lavie 350ml	Chai	3.125	10.000
8	Lavie 500ml	Chai	3.514	15.000
9	Vital 20 lít	Bình	45.500	100.000
10	Coca diet	Lon	7.916	20.000
11	Cocacola	Lon	7.708	20.000
12	Twister	Lon	7.500	20.000
13	Nước soda	Lon	5.833	20.000
14	Fan ta	Lon	7.500	20.000
15	Votka cá sấu Nội 500ml	Chai	70.000	180.000
16	Votka cá sấu Ngoại 500ml	Chai	126.000	300.000
17	Votka men 300ml	Chai	37.300	100.000
18	Votka men 500ml	Chai	58.000	150.000
19	Votka HN 330ml	Chai	29.400	100.000
20	Votka HN 750ml	Chai	52.000	150.000
21	Bí đao	Lon	6.041	20.000
22	Sprie	Lon	7.708	20.000
23	Vang chi lê 750ml	Chai	218.000	500.000
24	Vang đà lạt 750ml	Chai	80.000	250.000
25	Phí mang rượu quê/lít	lít		50.000
26	Phí mang rượu Vodka nội	chai		100.000
27	Phí mang rượu Vang bịch 3 lít	bịch		200.000

TT	Tên món	ĐVT	Giá cost (đồng)	Giá bán (đồng)
28	Phí mang rượu Vang bạch 5 lít	bịch		300.000
26	Phí mang rượu mạnh (Wishky)	chai		300.000
C	Hoa quả			
1	Caramen	Đĩa	31.200	90.000
2	Chuối tiêu	Đĩa	13.200	80.000
3	Dứa thơm	Đĩa	15.400	80.000
4	Dưa hấu	Đĩa	15.400	80.000
5	Vải thiều	Đĩa	20.000	80.000
6	Quýt Sài gòn	Đĩa	36.667	120.000
7	Sữa chua nếp cẩm	Đĩa	42.000	90.000
8	Xoài cát chu	Đĩa	24.750	120.000
9	Chôm chôm	Đĩa	22.500	70.000
10	Đu đủ	Đĩa	20.000	50.000
11	Thanh long trắng	Đĩa	30.800	80.000
12	Dưa vàng	Đĩa	26.950	80.000
13	Nhãn	Đĩa	30.000	80.000
14	Bưởi năm roi	Đĩa	44.000	120.000
15	Bưởi hồng da xanh	Đĩa	80.000	150.000
16	Hoa quả dầm sữa chua	6Cốc /mâm	90.000	180.000
17	Ổi lê	Đĩa	9.000	80.000
18	Thanh long đỏ	Đĩa	20.000	100.000



Giám đốc

Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh

Tổ Nhà hàng

GIÁM ĐỐC
Dương Thị Ngọc Linh

[Signature]

[Signature]
Đỗ Văn Cường